

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/DS-PT
Ngày 22 - 03 - 2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Minh Tùng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2021/TLPT-DS ngày 08/12/2021 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tô Thúy H, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Chiến Thắng, xã C, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thị Lệ Th, sinh năm 1968.

Hộ khẩu thường trú: Khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện H, Đồng Tháp.

Tạm trú: Khóm 6, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Lệ Th là: Chị Lê Thị Minh Th, sinh năm 1994 (Có mặt). Địa chỉ: 153, Đội Cung, phường 9, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đoàn Hòa Ng, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, phường A, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Lệ Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Tô Thúy H trình bày:

Năm 2014, chị Tô Thúy H có cho bà Trần Thị Lệ Th vay nhiều lần với tổng số tiền gốc là 477.000.000đồng, mục đích vay để mua bán và đáo hạn ngân hàng. Sau đó hai bên chốt nợ và làm biên nhận tiền đề ngày 07-5-2014. Khi vay thì bà Th có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06-7-2004 do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên thuộc thửa 4955, tờ bản đồ số 01 diện tích 74,4m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cho chị H để làm tin (việc thế chấp chỉ bằng lời nói không có giấy tờ).

Khi làm biên nhận do thấy bà Th sống chung với ông Tr nên nghĩ họ là vợ chồng nên yêu cầu ông Nguyễn Thành Tr cùng ký vào biên nhận. Nên đơn khởi kiện chị H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thành Tr và bà Trần Thị Lệ Th trả số tiền trên cho chị H. Nhưng trong quá trình giải quyết bà Th trình bày ông Tr không phải là chồng bà Th (mà chỉ có quan hệ làm ăn). Nên chị H chỉ yêu cầu một mình bà Th trả số tiền vay là 477.000.000đồng, không yêu cầu gì đối với ông Tr, không yêu cầu tính lãi và đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06-7-2004 do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên thuộc thửa 4955, tờ bản đồ số 01 diện tích 74,4m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện H, tỉnh Đồng Tháp Tháp số bìa AA 035096 theo yêu cầu của bà Th.

Bị đơn bà Trần Thị Lệ Th trình bày:

Khoảng năm 2008-2009, bà Th có vay của chị H số tiền là 10.000.000đồng mục đích để kinh doanh buôn bán tại xã C có làm biên nhận nhưng thất lạc. Khi vay cũng có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như chị H trình bày. Đến năm 2014, thì chị H xuống nhà bà Th chốt nợ và có làm lại biên nhận ngày 07-5-2014. Lúc này, bà Th ký vì không biết chữ nên nghĩ biên nhận chỉ ghi là 47.000.000đồng gồm tiền gốc và lãi. Ngoài ra, bà Th không có vay số tiền nào khác, còn việc làm ăn vay hỏi giữa ông Tr và chị H thì bà Th không hề biết. Khi ký biên nhận ngày 07-5-2014, có mặt ông Tr nên chị H kêu ông Tr ký với tư cách người làm chứng. Bà Th cho rằng việc vay này là bà Th vay với mục đích kinh doanh mua bán chứ không đáo hạn Ngân hàng. Nên qua yêu cầu của chị Tô Thúy H thì bà Th không đồng ý, bà Th đồng ý trả số tiền là 10.000.000 đồng và

yêu cầu chị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06-7-2004 do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên thuộc thửa 4955, tờ bản đồ số 01 diện tích 74,4m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp Tháp số bìa AA 035096. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Th không xác định được ông Tr có nhận và sử dụng số tiền vay của chị H và cũng không yêu cầu đưa ông Tr vào tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Hòa Ng trình bày:

Năm 2014, chị Tô Thúy H có vay của ông Nghĩa số tiền 550.000.000 đồng và có thể chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: một giấy chứng nhận do bà Nguyễn Thị H đứng tên diện tích 5.120m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06-7-2004 do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên thuộc thửa 4955, tờ bản đồ số 01 diện tích 74,4m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 2015, thì chị H trả một phần tiền vay và nhận giấy chứng nhận do bà Nguyễn Thị H đứng tên. Chị H còn thiếu lại ông Nghĩa số tiền là 70.000.000đồng và ông Nghĩa đang giữ giấy chứng nhận do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên do chị H đưa để làm tin.

Nay ông Đoàn Hòa Ng yêu cầu chị Tô Thúy H trả lại số tiền vay còn thiếu là 70.000.000đồng, không tính lãi và đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06-7-2004 do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên thuộc thửa 4955, tờ bản đồ số 01 diện tích 74,4m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp số bìa AA 035096 cho bà Th.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST, ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thúy H.

Buộc bà Trần Thị Lệ Th trả cho chị Tô Thúy H số tiền vay còn thiếu là 477.000.000đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng), không tính lãi.

Công nhận sự tự nguyện giữa chị Tô Thúy H về việc trả cho ông Đoàn Hòa Ng số tiền vay còn thiếu là 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng), không tính lãi.

Công nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Hòa Ng về việc trả cho bà Trần Thị Lệ Th 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên thuộc thửa 4955, tờ bản đồ số 01 diện tích 74,4m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp Tháp số bìa AA 035096 cấp ngày 06-7-2004.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/11/2021 bà Trần Thị Lệ Th kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST, ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Bà Th yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn diện tất các chứng cứ của vụ án, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà Th chỉ trả cho bà Hằng số tiền là 10.000.000 đồng vì số tiền 477.000.000 đồng là bao gồm cả số tiền chị H cho ông Nguyễn Thành Tr và tiền lãi chứ không phải chỉ là tiền gốc của bà Th vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lê Thị Minh Th là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Lệ Th trình bày: Bà yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, sửa một phần bản án sơ thẩm, bà Th chỉ đồng ý trả cho bà Hằng số tiền 10.000.000 đồng.

Chị Tô Thúy H trình bày: Chị không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoảng 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lệ Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Lệ Th đúng về hình thức, nội dung, nộp đúng hạn luật định nên kháng cáo của bà Th được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt: Ông Đoàn Hòa Ng đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy vắng mặt của ông Nghĩa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Lệ Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị Lệ Th thừa nhận chữ ký, dấu lẫn tay trong biên nhận ngày 07-5-2014 là do bà Th ký và lẫn tay tại vị trí người mượn. Tuy nhiên, bà Th cho rằng không có vay của chị H số tiền 477.000.000đồng như biên nhận thể hiện mà bà Th chỉ vay của chị H số tiền là 10.000.000đồng từ năm 2008-2009 có làm biên nhận nhưng đã bị mất. Đến năm 2014, thì tiền tổng gốc và lãi là 47.000.000đồng nên chị H với bà Th chốt nợ và ký biên nhận ngày 07-5-2014. Nay bà Th đồng ý trả cho chị H số tiền là 10.000.000đồng. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận có việc cho bà Th vay 10.000.000đồng. Bà Th cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có vay bà H số tiền 10.000.000đồng và biên nhận ngày 07-5-2014 là biên nhận chốt nợ có gốc và lãi như bà Th trình bày.

Xét thấy tại Biên nhận ngày 7/5/2014 có ghi “*tôi có cho chị Trần Thị Lệ Th... mượn số tiền là: Bốn trăm bảy mươi bảy triệu đồng*”, như vậy theo biên nhận này chỉ nêu chị H cho bà Th vay tiền, không có thể hiện cho ông Tr vay. Mặc khác, theo hồ sơ vụ án thể hiện lời trình bày của bà Th và tại phiên tòa sơ, phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Th xác định ông Nguyễn Thành Tr chỉ là bạn làm ăn với bà Th chứ không có quan hệ vợ chồng, ông Tr có lẫn tay trong biên nhận ngày 07/5/2014 với vai trò là người làm chứng. Ngoài ra bà Th không có căn cứ nào khác để chứng minh số tiền 477.000.000 đồng bao gồm cả tiền chị H cho ông Tr vay và bao gồm tiền lãi. Hai bên nguyên, bị đơn đều yêu cầu không đưa ông Tr vào tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Bà Th, bà Hằng đều không chứng minh được ông Tr có cùng bà Th sử dụng khoản tiền này. Tại văn bản xác nhận ngày 13/3/2020 của Ủy ban thị trấn Sa Rài, xác định ông Tr và bà Th từ trước đến nay không đăng ký kết hôn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Tr vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Bên cạnh đó, bà Th cho rằng việc bà Th ký vào biên nhận ngày 07-5-2014 là do bà Th không biết chữ, bị lừa dối, không tự nguyện mà do chị H kêu người

đến nhà bà Th đe dọa, ép buộc bà ký tên, lấn tay. Do đó, đại diện theo ủy quyền của bà Th yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự về việc vay tài sản giữa bà Th với chị H là giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Xét thấy tại biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, anh Lê Trung K khai sau khi ký biên nhận nợ khoảng một tháng thì chị H có đến gặp bà Th đòi tiền với số tiền là 477.000.000 đồng. Nếu cho rằng bà Th không biết chữ nên tưởng 477.000.000 đồng là 47.000.000 đồng nên bà Th mới ký tên, lấn tay vào biên nhận thì khi chị H đến yêu cầu bà Th trả số tiền 447.000.000 đồng bà Th không có ý kiến phản đối cũng không có trình báo chính quyền địa phương về việc chị H lừa dối hay ép buộc bà. Ngoài ra, bà Th cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà Th không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chị H có kêu người đến gây áp lực, đe dọa bà Th.

Với các chứng cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định bà Th có vay số tiền 477.000.000 đồng của chị H. Do đó, Tòa án sơ thẩm buộc bà Trần Thị Lệ Th trả cho chị Tô Thúy H số tiền vay còn thiếu là 477.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp. Do đó, kháng cáo của bà Trần Thị Lệ Th là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị Lệ Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 429, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 471, 473 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Lệ Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thúy H.

Buộc bà Trần Thị Lệ Th trả cho chị Tô Thúy H số tiền vay còn thiếu là 477.000.000 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu) đồng, không tính lãi.

2. Công nhận sự tự nguyện giữa chị Tô Thúy H về việc trả cho ông Đoàn Hòa Ng số tiền vay còn thiếu là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, không tính lãi.

3. Công nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Hòa Ng về việc trả cho bà Trần Thị Lệ Th 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Trần Thị Lệ Th đứng tên thuộc thửa 4955, tờ bản đồ số 01 diện tích 74,4m², tọa lạc tại Khóm 1, thị trấn S, huyện H, tỉnh Đồng Tháp Tháp số bìa AA 035096 cấp ngày 06-7-2004.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Lệ Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.080.000đồng. Nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0009127 ngày 02-02-2021 của Chi cục thi hành án huyện H. Bà Trần Thị Lệ Th còn phải nộp thêm số tiền 19.780.000đồng.

Chị Tô Thúy H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp thân nhân liệt sĩ được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ).

Ông Đoàn Hòa Ng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị Lệ Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002624 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Thành